

HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI “BÉ MỌN”, SUY TƯ TRONG DIỄN NGÔN TRUYỆN NGẮN KHU VỰC NGOẠI BIÊN GIAI ĐOẠN 1945 – 1975

Hoàng Thị Thu Giang

Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: Bất kì nền văn hóa, văn học nào, ở mọi yếu tố, cấp độ cũng có phần trung tâm và ngoại biên. Với văn học nói chung, truyện ngắn nói riêng giai đoạn 1945 – 1975 cũng vậy. Ở truyện ngắn cách mạng - diễn ngôn truyện ngắn khu vực trung tâm, thế giới hình tượng mang tính sử thi đậm nét với những con người trong chiến đấu thì gan dạ, dũng cảm; trong lao động thì sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước công việc được giao, trong đời thường cũng luôn sống với những tình cảm lớn, gắn với quốc gia, dân tộc. Trong khi đó, ở diễn ngôn truyện ngắn khu vực ngoại biên, thế giới hình tượng được kiến tạo theo tinh thần hướng về đời sống nhân sinh. Ở giai đoạn sau nhìn lại, có thể thấy thế giới hình tượng của truyện ngắn khu vực ngoại biên này đã góp phần mang lại cái nhìn toàn diện hơn về cuộc sống, thời đại giai đoạn 30 năm sau cách mạng tháng Tám. Bài viết này tập trung làm sáng tỏ một phần điều đó.

Từ khóa: Truyện ngắn, diễn ngôn, ngoại biên, giai đoạn 1945 - 1975, con người.

Nhận bài ngày 5.3.2023 ; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 24.4.2023

Liên hệ tác giả: Hoàng Thị Thu Giang; Email: hoangthithugiang@daihochalong.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Bất kì nền văn hoá, văn học nào, ở mọi yếu tố, cấp độ cũng có phần trung tâm và ngoại biên. Với văn học nói chung, truyện ngắn nói riêng giai đoạn 1945 – 1975 cũng vậy. Nếu những tác phẩm viết đề cổ vũ, tuyên truyền cho cách mạng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội được xem là trung tâm của đời sống văn học, được độc giả đương thời quan tâm cổ vũ thì những tác phẩm viết không theo tinh thần đó hoặc không quán triệt tinh thần đó một cách triệt để sẽ bị xem là ngoại biên. Nói gọn lại, toàn bộ những tác phẩm từng bị cấm đoán, bị phê phán trong giai đoạn 1945 – 1975 đều có thể coi là văn học ngoại biên. Về phần văn học ngoại biên này, chúng tôi đồng tình với quan điểm của một nhà nghiên cứu: “Chúng ta có thể không thích nó, thậm chí ghét bỏ nó, nhưng nó vẫn là một phần, dù là rất bé nhỏ, rất phụ, đã lui vào quá khứ của quá trình văn học. Hiểu như thế mọi hiện tượng văn học ngoại biên đều đáng được xem xét, đều có ý nghĩa để soi sáng lịch sử văn học từ chỗ này hay chỗ khác” [5]. Theo quan điểm như vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xem xét chiến lược

kiến tạo hình tượng nhân vật trong truyện ngắn khu vực ngoại biên để bước đầu có cái nhìn đầy đủ hơn về vùng văn học này.

2. NỘI DUNG

Đọc truyện ngắn khu vực trung tâm giai đoạn 1945 – 1975, thấy bức tranh cuộc sống hiện lên tuy vất vả, khó khăn (cả trong lao động và trong chiến đấu), nhưng tinh thần con người luôn tràn đầy lạc quan và hi vọng. Ở đó có những người chiến sĩ cùng đội ngũ công, nông, binh, trí thức,... sẵn sàng cống hiến hết mình cho cách mạng, cho đất nước, mang vẻ đẹp lí tưởng. Bức tranh thế giới này quả thực đã truyền cho người đọc niềm tự hào về đất nước, thời đại và niềm tin vào sự nghiệp đấu tranh, dựng xây Tổ quốc do Đảng lãnh đạo.

Bức tranh hiện thực trong diễn ngôn truyện ngắn ngoại biên lại khác, đó là bức tranh của cuộc sống với những mảng màu sáng tối đan xen. Ở đó, con người của cuộc sống đời thường hiện lên khiêm nhường với những niềm vui bé nhỏ và với cả những trăn trở suy tư về đời, về người và về chính bản thân mình. Đó là chú bé Lư mò côi (*Chú bé làm văn* - Trần Dần), những đứa trẻ ăn mày (*Hai đứa trẻ vào đêm giao thừa* - Trần Dần), vợ chồng ông bà Tư Chấn (*Mộ phách* - Phùng Cung), vợ chồng bác phó Lâm (*Biệt tích* - Phùng Cung), An (*Lịch sử một câu chuyện tình* - Trần Lê Văn), Thang (*Đóng máy* - Minh Hoàng), vợ chồng Đoàn, ông chắt Dữ (*Ông lão hàng xóm* - Kim Lân), chị Lê (*Sương tan* - Hoàng Tiến), ông Lành (*Cây táo ông Lành* - Hoàng Cát), những nhân vật xung “tôi” trong *Lão Rông* (Trần Dần), *Ông Năm Chuột* (Phan Khôi), *Con chó xấu xí* (Kim Lân)... Trong truyện ngắn ngoại biên, nhân vật không được tập trung khắc hoạ ở phương diện "con người mới" trong tính tích cực cách mạng, mà là con người trong những quan hệ đời sống và tâm lí phức tạp, hướng về đời thường với nhiều trăn trở, lo toan về môi trường sống và bản thân mình. Những hình tượng thuộc kiểu loại này phản ánh tinh thần phản tư của nhà văn về cuộc sống và thời đại, “*biểu hiện một cách nhìn không hề dập khuôn, mà hoàn toàn cụ thể của các nhà văn về con người*” [2;144].

Trong *Chú bé làm văn*, hiện lên giữa bức tranh lạnh, trớ trêu là chú bé Lư mò côi. Miên man theo dòng suy tư của chú (đích thực là tâm trạng suy tư, dù chú bé này mới học lớp sáu), người đọc được làm quen với Khiên, anh trai chú, là “*cán bộ một cơ quan Trung ương*”, một người “*rất thương em*” nhưng vì “*đã từng biết những ngày ăn toàn măng mà vẫn làm việc trong những lán rừng kháng chiến*”, và vì “*không muốn em mình sớm vào đời, sớm đóng góp với hai bàn tay còn non nớt và bộ óc thất học*” nên “*anh nảy ra phương kế phải thi hành một chính sách tiết kiệm hết mức. Đứng với nghĩa đen của chữ "thắt lưng buộc bụng". Khiên nhìn quàng sáng, cai cả thuốc lá, từ chối mọi giải trí của thành phố, lại còn tiết chế cả lòng thương em nữa. (...) Người anh ấy thu vén chi ly, thực là một sự hy sinh cực nhọc vì tương lai của em. Hòa bình đối với anh, hẳn lại là một cuộc chiến tranh mới, cũng tự nguyện gian khổ và cũng cao đẹp như những ngày kháng chiến trước kia*”. Một con người đáng trọng, nhưng cũng đáng thương, bởi cuộc sống còn khó khăn nên phải “*tiết chế cả lòng thương em*”. Cũng qua Lư, người đọc được ngắm nhìn một góc phố Hà Nội, nơi “*Tất cả chỉ có mười lăm nóc nhà thôi. Vậy mà cái thì thò ra, cái thì thụt vào, màu vôi đều đã nham nhở. Cả phố cứ như một hàm răng khấp khểnh và hà xún*”, “*Cái phố xộc xệch, cũ kĩ, nhỏ xíu đến nỗi ban đêm không có nổi một ngọn đèn đường*”, “*nhưng nếu phải chuyển đi nơi khác, hẳn chú Lư nhớ, buồn lắm*”... Còn ở *Hai đứa trẻ vào đêm giao thừa*, trong “*đêm Ba mươi vào*

cái Tết hòa bình năm thứ nhất”, ở “*cái giờ biên thủy giữa hai năm cũ mới*”, theo bước chân “*nhà thơ trẻ sống độc thân*”, chúng ta bắt gặp những đứa trẻ vô gia cư, phải ăn mày mà sống. Nhìn những đứa trẻ “*cọc người*”, mang “*bộ mặt nhem nhuốc*” nhưng “*có vẻ đanh đanh của trẻ sớm khôn*”, mà “*cuộc sống vỉa hè đã phết lên nó những nét lấu cá cùng những nét quý quyết thật khó chịu*”, người đọc thật không khỏi chạnh lòng xót xa. Diễn ngôn truyện ngắn ngoại biên đưa đến cho người đọc những tâm tình có vẻ tản mạn, tâm tình về những điều có thể chẳng to tát, lớn lao nhưng đáng lưu ý, trân trọng. Nó truyền tới cho độc giả niềm cảm thương, chia sẻ với đất nước, con người một thời gian khó.

Ở truyện ngắn ngoại biên, bên cạnh những con người của đời thường với những suy tư man mác về cuộc sống còn nhiều khốn khó như vậy, còn có những con người bé nhỏ mang những nỗi đau do chính những kẻ được coi là đại diện của “*con người thời đại mới*” gây ra. Những con người bé nhỏ đáng thương ấy là Đoàn (*Ông lão hàng xóm* – Kim Lân), một người từng đi bộ đội trong chín năm kháng chiến, vào sông ra chết, nay bị Đội cải cách vu cho là Quốc dân đảng, bị đày đoạ, khủng bố tinh thần; là vợ Đoàn – người phụ nữ “*suốt chín năm giờ chồng đi kháng chiến, chồng đi bộ đội vắng, chị lặn lội đầu hôm sớm mai nuôi bố chồng, nuôi con nhưng chưa bao giờ thấy khó khăn như bây giờ*” khi chồng chị bị Đội vu cho tội phản quốc, Việt gian và bản thân chị cũng bị theo dõi, bị truất quyền sinh hoạt nơi làng xóm; là Mùi, bạn Đoàn – “*một đồng chí bí thư chi bộ trung kiên, suốt sáu bảy năm trời chiến đấu trong lòng địch*” nhưng đã bị Đội cải cách vu cho tội làm Quốc dân đảng và bắt đi; là ông chắt Dự với nỗi đau biết rõ mười mười con mình, bạn con mình là chiến sĩ trung kiên trong kháng chiến mà chẳng thể giúp gì vì không thể chống lại cả một kế hoạch quy chụp mà Đội cải cách đã dựng lên.

Những con người bé nhỏ đáng thương còn là ông bà Tư Chấn (*Mộ phách* – Phùng Cung) - những anh kếp, cô đào tài ba gắn với nghiệp ca trù nổi danh một thuở nhưng từ sau cải cách ruộng đất, khi ca trù cùng với chèo, tuồng, ... bị “*đào tận gốc tróc tận rễ*”, họ luôn phải sống trạng tâm trạng bất an, bị nghe ngóng, dò xét. Và tuy “*chẳng phải phong kiến, quan lại, không có nợ máu, không có chiếm hữu bóc lột*” nhưng “*cái nghề ca trù, đàn hát chỉ để làm vui cho bọn quan lại, lý hào, bọn bóc lột*”, nên ông bà Tư Chấn bị xếp vào nhóm đối tượng cần giáo dục, cải tạo, còn cây đàn quý - “*Đáy đàn bằng gỗ dâu vàng, cần đàn bằng gỗ xàng chun, trục vận bằng gỗ sưa. Phần trên của đáy đàn, hai khoáy gỗ đối nhau như hai con mắt. Cây đàn lên tiếng ngân vang gần một nửa thế kỷ*” - vật mà nhà nghề gọi là “*hồn đàn bất tử*”, vật được ông Tư Chấn coi “*như một người cha, một ông tổ*”, “*nguồn nghệ thuật và nguồn sống*” của mình được đội cải cách xác định là cần phải huỷ bỏ và đã huỷ bỏ thành công thông qua chính bàn tay của con trai ông bà đào kếp. Hụt hẫng, thất vọng, ông Chấn ôm rôi mắt, để lại bà Chấn cô đơn “*trống rỗng; ngơ ngác*” giữa cuộc đời, để rồi đi đến hành động chôn phách đây bi ai: “*Chờ lúc chàng vắng, bà Chấn mang cỗ phách ra phía bờ ao, tìm nơi mai táng. Nách bên trái ủ chặt phách; tay phải cầm một cái sên cấy rau, bà Chấn vừa khóc vừa cấy đất. Cấy đến hai, ba chỗ, chưa thấy yên lòng, lại lấp đi, lại đào tiếp một huyệt, lấp đất và nói xuống huyệt : “Bạn không ở lại, đời đào Khuê chả biết ngày mai ra sao? Đào Khuê đặt bạn nằm yên đây để bạn khỏi bơ vơ!” - Hai bàn tay bóp đất, vun một nắm mộ nhỏ vừa bằng chiếc gói đầu để có thể ở trong nhà vẫn nhìn thấy. Ngồi lặng bên mộ phách một lúc lâu, bà Chấn đứng dậy liêu xiêu vào nhà. Trong nhà, bóng tối đã tràn ra ngoài cửa*”. Đàn

bị đập, phách bị chôn, câu chuyện cuộc đời ông bà Tư Chấn trong *Mộ phách* là câu chuyện một thời văn hoá dân tộc bị những tư tưởng ấu trĩ huỷ diệt, không khỏi khiến nhiều độc giả cũng “*Nước mắt đã cảm chảy ba bốn chiều trong tuyến lệ bầm sinh*”. Con người bé nhỏ đáng thương trong truyện ngắn ngoại biên còn là An, cô sinh viên ban Sử trong *Lịch sử một câu chuyện tình* (Bùi Quang Đoài) thông minh, trong sáng nhưng cuộc đời đã nhanh chóng tràn ngập bóng tối vì bị Bằng – Bí thư chi bộ Đảng chi hội sinh viên giờ trò đời bại, là Tân, chàng sinh viên ban Văn lãng mạn, trí tuệ nhưng vì bị Bí thư chi bộ Bằng tuyên truyền nói xấu (với lí do anh chưa được vào Đảng) mà tình yêu của anh với An tan vỡ. Và còn biết bao con người bé nhỏ nữa như Thân – “*bí thư kiêm hiệu trưởng có bố mẹ làm địa chủ*”, Lâu – “*công an ở khu Hà Nội về nghỉ dài hạn*”, Chung – “*học sinh lục quân được nghỉ vì thiếu sức khoẻ*”, Quang – “*người vẫn thư từ gửi đi gửi về với gia đình trong vùng địch và vẫn nhận đồng hồ, bút máy, xe đạp cha mẹ gửi ra*” luôn bị rình rập, bị đưa vào diện “*phải cảnh giác*” vì “*có vấn đề*” về lí lịch và bất cứ lúc nào cũng có thể bị hãm hại bởi những kẻ như Tuất – kẻ luôn lấy việc vu cáo, hãm hại người khác “*để làm đà vọt cho công tác sau này*” (*Lộn sông* – Hữu Loan). Những con người bé nhỏ với những số phận như thế không phải là sản phẩm sáng tạo thuần túy của các cây bút ngoại biên. Họ, cũng như những hình tượng anh hùng trong lao động và chiến đấu ở truyện ngắn trung tâm, là con người của cuộc đời ánh xạ vào văn chương. Qua tâm tư của những con người bé nhỏ ấy, các nhà văn muốn nói rằng: cuộc đời mới, bên cạnh sự sinh thành những niềm vui lớn lao, bên cạnh những cái tốt đẹp đang “*xé vỏ trở mầm*” thì vẫn còn nhiều điều cần lo lắng, băn khoăn, cần quan tâm, chia sẻ.

Trong số những con người bé nhỏ - nhân vật trung tâm của bức tranh truyện ngắn ngoại biên - còn có những con người đang hăng ngày, hăng giờ lao động, sản xuất để cống hiến cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là chị Phương – chủ tịch xã H, người phụ nữ đã sáng chế ra “*chiếc cày ba đảm đang*”, vừa một mình nuôi con vừa “*đi họp, đi học, đi làm, ba năm liền là chiến sĩ thi đua kể từ buổi sáng tiễn chồng ra mặt trận*” và các chị Nghĩa, Tâm, Loan cùng rất nhiều phụ nữ đảm đang khác của vùng khu 4 – khu vực cán gáo, nơi tỷ lệ bom đạn tính theo đầu người cao nhất thế giới vẫn một nắng hai sương “*đi cày dưới... bom*”, *vết hết số lương thực ít ỏi mình làm ra đóng góp cho tiền tuyến, ngày ngày nghênh chiến tàu bay Mĩ và đã lập được nhiều chiến công* trong truyện *Cái gốc* của Nguyễn Thành Long. Đó là chị Lê (*Sương tan* – Hoàng Tiến), người phụ nữ có chồng là liệt sĩ, đã vượt nỗi đau mất chồng để lao động hết mình, trọn vẹn việc nhà chồng cũng như việc hợp tác xã. Đó là ông Lành (*Cây táo ông Lành* – Hoàng Cát), người đã gửi đứa con trai duy nhất cho đội “*quân chủ lực*” tham gia bảo vệ Tổ quốc, và ở tuổi già bóng xế, ông vẫn quan tâm tới thế hệ tương lai của đất nước nên quyết định “*cho chuyển lũ nhỏ về ngôi nhà mới của ông mà học*” vì “*ông đã nghe phong thanh, đâu cái chỗ lớp học hiện giờ chật chội quá, cô giáo Hà định dời lớp sang một làng khác*”. Đó là bà Tám (*Bà mẹ* - Hoàng Tiến), mặc dù người con trai lớn của mẹ đã hi sinh cho đất nước, nhưng khi người con trai út xin đi công trường xa, bà đã hành động như bao người mẹ cùng thời khác, đồng ý để con lên đường theo lời kêu gọi của Đảng. Những con người ấy thật đáng quý, đáng trọng. Và nếu như chỉ hiện lên với những đường nét như thế trong bức tranh cuộc sống thì họ đã là con người lí tưởng của truyện ngắn trung tâm. Nhưng thực tế, những nhân vật, những con người ấy đã bị xếp vào vùng ngoại biên. Bởi họ, bên những nỗ lực lao động để cống hiến cho đất nước từng ngày, từng giờ thì vẫn còn một lúc nào đấy có những trăn trở, suy tư trong những phút độc thoại nội tâm riêng

tư, sâu kín. Trong nhiều trường hợp, độc thoại của nhân vật không hiện trên bề mặt trang viết như một diễn ngôn độc lập mà hòa trong lời trần thuật của tác giả dưới hình thức lời nửa trực tiếp, khiến những mạch ngầm tâm tư hiện lên vừa như của một cá nhân, vừa như nói hộ cho một bộ phận người có chung hoàn cảnh.

Những người phụ nữ khu 4 trong *Cái gốc* thật sự là những người “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Họ là những “cái gốc” của gia đình và tiền tuyến. Nhưng khi phải bần bật xa người đàn ông yêu dấu, bao đêm họ đã sống trong khắc khoải chờ mong và nhiều lúc “*cả cán bộ lẫn chị em đều ôm nhau khóc*”, và họ nghĩ “*khóc một tí cũng được chứ sao, rồi sáng mai trời dậy, đối mặt với bọn chó Mĩ, cái đũa làm cho chúng ta chồng xa vợ, vợ xa chồng như thế này, tôi theo gương chị, chị theo gương tôi...*”. Còn chị Lê (*Sương tan*), ngoài những lúc bằm bèo nấu cám, cày bừa cây hái, đi họp đi hành, trong những đêm khuya chị lại da diết nhớ chồng. “*Chị mơ thấy anh Lê trở về. Anh cởi trần, người to lớn, bắp thịt ở lườn vai nâng nâng. Chị nằm im nghe hơi anh thổi sương không sao tả xiết. Khi tỉnh giấc, chị hãy còn như thấy anh nằm đâu đây, ước sao được mơ lại nhiều lần như thế*”.

Trong bối cảnh văn học cách mạng vùng trung tâm hầu như vắng bóng tính dục thì cảnh nhục thể ở mức “ấm” (chưa thể gọi là “nóng”) trong tâm tưởng ấy một thời từng bị không ít nhà phê bình công kích. Nhưng rõ ràng, chi tiết ấy đã vén mở thế giới tâm tư của người đàn bà có chồng ra trận. Đằng sau cái vẻ lạnh lùng, “*chẳng thèm bờm xom*” khi “*nhiều anh tập tèm*” là trái tim luôn khát khao hạnh phúc. “*Tình của người đàn bà goá bụa nó như mặt nước. Bề ngoài âm thầm dấy nhưng bên trong chứa chất bao điều bí ẩn. Gặp một cơn gió thổi tới là mặt nước sẽ nổi sóng. Sóng đã nổi lên rồi thì bất chấp tất cả, nó có thể làm được những việc không ai ngờ tới*”. Và việc không ai ngờ tới, nhất là ông Hai Lê – bố chồng chị, là việc chị xin phép được tái hôn với anh Hồng, người bạn chiến đấu của chồng mình, người đã “*năm bảy lần bị thương, giờ được phục viên*”. Còn ông Lành (*Cây táo ông Lành*), trong những lúc cô đơn bên cây táo trĩu quả, khi nhớ lũ trẻ con trong xóm, ông “*lại đâm ra nghĩ ngợi, nhớ lây sang thằng Sửu nhà ông, với niềm hy vọng một ngày gần đây ông sẽ có cháu nội. Rồi chúng cũng đi học lớp Một, cũng nhặt táo rụng trên vườn kia...*”, ...

Ở một thời, khi mà “trật tự diễn ngôn” kêu gọi, cổ vũ những phát biểu kiểu “*Khi đứng riêng tây ta thấy mình xấu hổ*” (Chế Lan Viên) thì những nghĩ suy, trần trụi như của các chị em khu 4, của chị Lê hay ông Lành được khuyến nghị cất sâu ở đáy lòng mỗi người. Vì vậy, *Sương tan* của Hoàng Tiển, *Cây táo ông Lành* của Hoàng Cát hay *Cái gốc* của Nguyễn Thành Long đã bị xem là những truyện ngắn “có vấn đề”, thể hiện sự lãng mạn ủy mị có hại cho kháng chiến, cần phê phán, loại bỏ. Tuy nhiên, nay nhìn lại, trong thời đại mới, bối cảnh mới, những tiếng nói ấy cần được lắng nghe, trân trọng bởi nó đã ghi lại một phần đời sống, tâm tư con người thuộc mọi tầng lớp trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt. Xuân Diệu, khi bàn về thơ Hồ Xuân Hương đã cho rằng: “*Không phải cái gì vương với lẽ lối tập tục thông thường một chút là chìm đi ngay, như vậy cũng làm cho văn học nghèo nàn đi, và như vậy, sẽ có những vùng rất lớn của tâm tư con người không ai dám bén mảng dò la đến nữa, những vùng thẳm sâu rộng lớn đó là những mạch nước ngầm rất quan trọng*” [dẫn 4]. Thiết nghĩ, phát biểu đó của Xuân Diệu là một ý kiến đáng lưu ý khi nhìn nhận và đánh giá về bộ phận văn học ngoại biên.

Qua hệ thống những nhân vật “bé mọn”, suy tư, diễn ngôn truyện ngắn ngoại biên đã mang lại cái nhìn toàn diện hơn về con người và cuộc sống những năm kháng chiến. Đọc văn học cách mạng giai đoạn 1945 - 1975, ở những trang truyện khu vực trung tâm, có thể thấy các nhà văn đã tập trung kiến tạo hình ảnh một dân tộc Việt Nam “anh dũng tuyệt vời”, “trong lửa đạn vẫn sáng ngời”, “rũ bùn đứng dậy sáng lòa”... khiến độc giả thăng hoa trong những cảm xúc hùng tráng, sử thi. Tuy nhiên, vì chú tâm khắc họa cái phi thường, có phần sơ giản khi miêu tả cái đời thường, bình thường, truyện ngắn trung tâm đã khiến độc giả (chủ yếu là độc giả thuộc giai đoạn sau 1975) có cảm giác con người và cuộc sống trong văn học cách mạng nói chung còn thiếu sinh động. Đọc truyện ngắn ngoại biên, cảm giác thiếu hụt ấy phần nào được giải tỏa. Tiếp xúc những thân phận bé mọn trong truyện ngắn khu vực bên lề này, thấy gương mặt, dáng vóc, cuộc sống của con người Việt Nam giai đoạn 30 năm chiến tranh, đặc biệt, của nhân dân miền Bắc sau hoà bình 1954 hiện lên rất “đời”.

Qua số phận và cảm nhận của những con người bình dị ấy, có thể thấy trang sử mới, xã hội mới sau 1945 không ngập tràn duy nhất những niềm hạnh phúc, phấn khởi, kiêu “mỗi ngày vui một quả trứng hồng” như diễn ngôn trung tâm đã ngợi ca mà còn bộn bề khó khăn, vất vả, và, bên cạnh những điều tốt đẹp, đáng quý đang “xé vỏ”, trở mầm” thì cái xấu, cái giả trá cũng đang hình thành (điều này đã được nói kĩ hơn trong một bài viết khác – bài viết *Hình tượng kẻ tha hóa trong diễn ngôn truyện ngắn khu vực ngoại biên giai đoạn 1945 – 1975*, [1]). Trong dòng suy tư của những con người bé nhỏ ấy, một mặt, tồn tại những cảm xúc, nghĩ suy, sự quan tâm đến những vấn đề thiêng liêng, lớn lao, thể hiện sự gắn bó với cộng đồng, dân tộc, trách nhiệm đối với Tổ quốc, quê hương,... – những cảm xúc có tính đặc trưng, phổ biến ở con người Việt Nam những khi đất nước bị giặc xâm lăng, mặt khác, vẫn luôn thường trực những cảm xúc, tâm tình rất riêng tư, sâu kín, những mơ mộng, khát khao, những nhớ nhung, hờn dỗi, thậm chí có cả những đau khổ, sầu thương. Có thể nói, những con người bé mọn, suy tư trong truyện ngắn ngoại biên là những hình tượng rất “đời” và rất “người”. Đáng tiếc là, những hình tượng được kiến tạo trong tinh thần nhân bản như vậy đã bị các nhà phê bình văn học cách mạng đương thời phê phán, kết tội nặng nề và bị gạt sang bên lề của đời sống văn hoá, văn học. Nhưng, thời gian đã chứng minh, loại nghệ thuật bao chứa cả niềm vui và nỗi buồn, cả hào hùng và bi thương luôn có giá trị và có sức sống dài lâu, hay nói như I. Lotman thì: “Trên các giai đoạn khác nhau của lịch sử từng la liệt những luận điệu có tính chu kỳ về tính vô bổ, thậm chí về tính có hại của nghệ thuật... Tuy nhiên, nghệ thuật vẫn tái sinh như bất biến, thách thức những kẻ xua đuổi nó” [3;13].

3. KẾT LUẬN

Tiếp cận diễn ngôn truyện ngắn ngoại biên giai đoạn 1945 – 1975, chúng tôi thấy rằng: tuy số lượng không nhiều (khoảng vài chục tác phẩm trong đối sánh với hàng nghìn diễn ngôn truyện ngắn khu vực trung tâm chính thống), nhưng diễn ngôn truyện ngắn khu vực này đáng được lắng nghe, đón nhận. Kiến tạo thế giới hình tượng theo nguyên tắc đời thường hoá, xây dựng hình tượng con người bé mọn, suy tư, truyện ngắn khu vực ngoại biên mang ý thức phản tư và giàu tinh thần nhân bản. Đó là lí do truyện ngắn ngoại biên vẫn sống, dù từng bị phê phán, chối bỏ, để đến hôm nay, nhiều diễn ngôn trong số đó đã được đón nhận vào trung tâm của đời sống văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Thu Giang (2014). Hình tượng kẻ tha hóa trong diễn ngôn truyện ngắn khu vực ngoại biên giai đoạn 1945 – 1975. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Hùng Vương*, số 1.
2. Phùng Ngọc Kiếm (2000). *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1975*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. I.Lotman (2004) (Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Thu Thủy dịch). *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Trần Thanh Mại (1961). Thử bàn lại vấn đề tục và dâm trong thơ Hồ Xuân Hương. *Tạp chí Văn học*, số 4.
5. Trần Đình Sử (2013). *Ngoại biên hóa trong tiến trình văn học Việt Nam đương đại*. <http://trandinhstu.wordpress.com/2013/07/28/ngoai-bien-hoa-trong-tien-trinh-van-hoc-viet-nam-duong-dai/>.

THE IMAGE OF REFLECTIVE, "LITTLE" PEOPLE IN THE PERIPHERAL AREA SHORT STORIES IN THE PERIOD 1945–1975

Abstract: *Any culture, any literature, at every factor and level, has a central part and a peripheral part. The same is true of literature in general, and short stories in particular from 1945 to 1975. The iconic world is filled with brave and courageous people in battle in the revolutionary short story, the discourse of short stories in the central area; in labor, they are dynamic, creative, dare to think, dare to do, and dare to take responsibility for the assigned work; in everyday life, they always live with great affection, associated with the country and nation. Meanwhile, the world of images is built on the spirit of respect for human life in the discourse of short stories on the periphery. At a later stage, it is clear that the visual world of this peripheral short story has contributed to a more comprehensive view of life in the 30 years following the August Revolution. This article focuses on clarifying that part.*

Keywords: *Short stories, discourse, the periphery, the years 1945-1975, people.*